MORALITY 4
LUÂN LÝ 4

Phaolô Phạm xuân Khôi or Paul Pham
giaolygh@gmail.com
713-398-1554

Opening Prayer – Rom 5: 12-17

12 Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết;
như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội. 13 Trước khi có
Lề Luật, đã có tội lỗi ở trần gian. Nhưng nếu không có Luật, thì tội không bị kể là tội.
14 Thế mà, từ thời A-đam đến thời Mô-sê, sự chết đã thống trị cả những người đã không
phạm tội bất tuân lệnh Thiên Chúa như A-đam đã phạm. A-đam là hình ảnh Đấng sẽ tới.
15 Nhưng sự sa ngã của A-đam không thể nào sánh được với ân huệ của Thiên Chúa. Thật
vậy, nếu vì một người duy nhất đã sa ngã, mà muôn người phải chết, thì ân sủng của
Thiên Chúa ban nhờ một người duy nhất là Đức Giê-su Ki-tô, còn dồi dào hơn biết mấy
cho muôn người. 16 Ơn Thiên Chúa ban cũng khác với hậu quả do một người phạm tội đã
gây ra. Quả thế, vì một người duy nhất phạm tội, con người đã bị xét xử để phải mang
án, còn sau nhiều lần sa ngã, thì lại được Thiên Chúa ban ơn cho trở nên công chính.
17 Nếu chỉ vì một người, một người duy nhất sa ngã, mà sự chết đã thống trị, thì điều
Thiên Chúa làm qua một người duy nhất là Đức Giê-su Ki-tô, lại còn lớn lao hơn biết
mấy.

Essential Question for this Course
Câu Hỏi Thiết Yếu của Lớp này

What ought I do and how ought I be as a result of being a disciple of Jesus Christ?

Tôi phải làm gì và phải làm sao để kết cuộc thành một môn đệ của Chúa Giêsu Kitô?

From Chapter 3: Christian Morality in the Breath of God
Luân Lý Kitô Giáo và Tiến Trình Lương Tâm

Conscience as a capacity, a process, and a judgment:

1. Conscience as Capacity for Goodness and Rightness
2. Conscience as Process: The Homework of Moral Decision Making
3. Conscience as Judgment: Taking Responsibility

Lương tâm như một khả năng, tiến trình và phán quyết

1. Lương Tâm như Khả Năng làm Điều Tốt Lành và Ngay Thẳng
2. Lương tâm như Tiến Trình: Bài Tập về Quyết Định Luân Lý
3. Lương Tâm như Phán Quyết: Lãnh Nhận Trách Nhiệm

Guiding Question for this Session
Câu Hỏi Hướng Dẫn của Buổi Học này

What are sin and conversion?

Tội lỗi và hoán cải là gì?

Small Group Discussion

What are the first three things that come to your mind when you hear the word sin?

Khi nghe từ 'tội lỗi' bạn nghĩ đến ba điều gì trước nhất?

3 Types of Sins – Ba Lọi Tội

- Sin as fact
  - Original Sin
- Sin as act
  - Personal sin
- Sin as state
  - Social sin

- Tội lỗi là một thực tại
  - Tội Tổ Tông
- Tội lỗi là một hành động
  - Tội cá nhân
- Tội lỗi là một tình trạng
  - Tội xã hội

What is Sin – Tội Là Gì?

1. An abuse of the freedom that God gives to reject God and oppose to Him;
2. An offense against reason, truth, and right conscience;
3. Failure in genuine love for God and neighbor caused by a perverse attachment to certain goods;
4. "Love of oneself even to contempt of God."

1. Lạm dụng sự tự do mà Thiên Chúa ban để chối bỏ Thiên Chúa và chống lại Ngài;
2. Một sự xúc phạm đến lý trí, chân lý, lương tâm ngay chính;
3. Thiếu tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và tha nhân do việc ngoan cố dính lứu với những lợi ích nào đó;
4. "Yêu mình đến nỗi coi thường Thiên Chúa".

Concept of Sin in the Old Testament
Quan Niệm về Tội trong Cựu Ước

- Infidelity to covenant
- Idolatry and pride
- Idolatry of self, self-sufficiency (Deut 32:18, Is 10:13, Ez 28:2)
- Hardness of heart (Is 6:9)

- Bất trung với giao ước
- Thờ ngẫu tượng và kiêu ngạo
- Thờ chính mình, tự túc (Đnl 32:18, Is 10:13, Ez 28:2)
- Cứng lòng (Is 6:9)

Concept of Sin in the New Testament
Quan Niệm về Tội trong Tân Ước

- Wrong to read New Testament as a radical break from the Old – Jesus quoted Deuteronomy and Leviticus when he gave the Greatest Commandment
- Found in the personal ministry of Jesus Christ
- Anything that wounds the nature of what it is to be authentically human
  - a person in loving communion with God an one another.

- Sai khi đọc Tân Ước như một sự đoạn tuyệt triệt để với Cựu Ước – Chúa Giêsu trích dẫn Đệ Nhị Luật và Lêvi khi Người ban Giới Răn Trọng Nhất
- Được tìm thấy trong tác vụ cá nhân của Chúa Giêsu Kitô
- Bất cứ điều gì làm tổn thương bản chất của bản tính nhân loại chân chính
  - một nhân vị trong sự hiệp thông yêu thương với TC và với nhau.

Concept of sin in the Gospels
Quan niệm về Tội trong các Tin Mừng

- Repent and believe the good news.
- Jesus' criteria for moral living
  - God's holy will be done
  - Done out of love for God
  - Done out of a disposition of a pure heart

- Hãy thống hối và tin vào Tin Mừng.
- Tiêu chuẩn của Chúa Giêsu cho việc sống đời luân lý
  - Thực thi Thánh Ý TC
  - Làm vì yêu Thiên Chúa
  - Làm với một tâm tình của một tâm hồn trong sạch

Concept of sin in the Gospels
Quan niệm về Tội trong các Tin Mừng

- Kingdom of God
  - Offer of forgiveness/ call to repentance
  - Parables of forgiveness
  - Love your enemies
- Sin in the passion account
  - Judas' betrayal, Peter's denial, Pilate's cowardice
  - All is conquered through Jesus' death/resurrection

- Nước Thiên Chúa
  - Ban ơn tha tội / mời gọi ăn năn hối cải
  - Các dụ ngôn về tha thứ
  - Hãy yêu kẻ thù
- Tội trong tường thuật Thương Khó
  - Phản bội của Giuđa, Phêrô chối Chúa, hèn nhát của Philatô
  - Tất cả đều được chiến thắng qua cái chết/Phục Sinh của Chúa Giêsu

Sin in the New Testament – Tội trong Tân Ước

How sin is described

- Disobedience to God (Lk 15:18, 21; Rom 3:23)
- Lawlessness (Mt 7:23; 13:41; 1 John 3:4)
- Forbidden action (Mat 12:31; Jas 1:15)
- Inclination within man that leads to forbidden action (Rom 7:8, 23)
- The guilt that arises from such action (Mk 2:5, 1 Cor 15:17)

Tội lỗi được diễn tả thế nào

- Bất phục tùng Thiên Chúa (Lk 15:18, 21; Rom 3:23)
- Hỗn loạn (Mt 7:23; 13:41; 1 John 3:4)
- Hành vi bị cấm (Mat 12:31; Jas 1:15)
- Khuynh hướng trong con người dẫn đến các hành động bị cấm (Rom 7:8, 23)
- Lỗi phát sinh từ các hành động như thế (Mk 2:5, 1 Cor 15:17)

Sin in the New Testament – Tội trong Tân Ước

The Reality of Sin

- Turning away from God
- Refusal of the Father's love
- Rejection of God's offer of grace and friendship
- Sin causes us to be lost and become slaves to sin
- Separation / alienation from God
- Sins are sins because they give rise to, prolong, and express life apart from God

Thực trạng của Tội Lỗi

- Từ bỏ Thiên Chúa
- Chối bỏ tình yêu của Chúa Cha
- Chối từ ân sủng và tình bằng hữu Thiên Chúa ban
- Tội lỗi làm cho chúng ta lạc đường và thành nô lệ tội lỗi
- Tách rời / thành xa lạ với Thiên Chúa
- Tội là tội vì chúng phát sinh ra, kéo dài và diễn đạt đời sống xa lìa Thiên Chúa

Sin in the New Testament – Tội trong Tân Ước

- Hamartia - power of sin in the world (Rom 7:15-23) - Hatta: "missing the mark" – sin is a willful rejection of God's known will
- Pesha: "rebellion" – in sin, human persons reject God and his love
- Awon: "iniquity" or "guilt" – the way sin twists and distorts the sinner's inner being - Sin dwells within/enslaves (Rm 1:29-32)

- Hamartia – sức mạnh của tội lỗi trong thế gian (Rom 7:15-23) - Hatta: "bắn hụt" – tội là cố tình chối bỏ Thánh Ý Thiên Chúa mà chúng ta biết
- Pesha: "làm loạn" – trong tội, con người chối từ Thiên Chúa và tình yêu của Ngài
- Awon: "điều tồi bại" or "tình trạng tội lỗi" – cách mà tội lỗi bóp méo nội tâm của kẻ có tội – Tội sống bên trong/làm nô lệ (Rm 1:29-32)

Original Sin - Tội Nguyên Tổ

"A primeval event, a deed that took place at the beginning of the history of man" (CCC 390): Gen 3:1-14

- Suspicion—lack of trust—about God's love for them
- Frustration over the limits to their liberty
- Desire for the immediate good, "knowledge of good and evil"
- To decide for oneself what is good and what is evil
- "Seduced by the devil, he wanted to 'be like God', but 'without God, before God, and not in accordance with God' (CCC #398)
- Inner act of rebellion and outward act of disobedience
- The result: alienation from God, each other, oneself, & creation.

"Một biến cố thủa ban sơ, một việc làm xảy ra ngay ờ đầu lịch sử nhân loại" (CCC 390): St 3:1-14

- Nghi ngờ - thiếu tin tưởng – về tính yêu Thiên Chúa dành cho họ
- Thất vọng vì các giới hạn của sự tự do của họ
- Muốn điều tốt lập tức, "biết lành và biết dữ"
- Để tự mình quyết định điều gì là lành và điều gì là dữ
- "Bị ma quỷ cám dỗ, con người muốn "giống Thiên Chúa", nhưng không có Thiên Chúa, trước Thiên Chúa và không theo Thiên Chúa." (CCC #398)
- Hành động nổi loạn từ bên trong và hành động bất phục tùng bên ngoài
- Hậu quả: xa lìa Thiên Chúa, xa lìa nhau, chính mình, & thụ tạo.

Original Sin – Tội Nguyên Tổ

- Describes the fallen state of human nature which effects every person born into the world
- Contracted, not committed – a state, not an act (see CCC, 404)
- A *depravation* of original holiness and justice; but human nature is not totally corrupt, only wounded – subject to ignorance, suffering, the dominion of death and an inclination to sin (see CCC, 405)
- Baptism erases original sin insofar as people are turned back to God, but the consequences to nature remain (see CCC, 405)
- "Ignorance of the fact that man has a wounded nature inclined to evil gives rise to serious errors in the areas of education, politics, social action and morals" (CCC #407)

- Mô tả tình trạng sa ngã của bản tính nhân loại ảnh hưởng đến tất cả mọi người sinh ra trong thế gian
- Bị lây nhiễm, không phạm – một tình trạng chứ không phải một hành động (see CCC, 404)
- *Đánh mất* tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy, nhưng bản tính con người chỉ bị tổn thương chứ không hoàn toàn hư hỏng: nó phải chịu vô minh, đau khổ, thống trị bởi cái chết và khuynh hướng làm sự dữ (see CCC, 405)
- Bí Tích Rửa Tội xóa bỏ Tội Tổ Tông khi con người trở về với Thiên Chúa, nhưng hậu quả với bản tính vẫn còn (see CCC, 405)
- "Nếu không biết rằng bản tính nhân loại đã bị tổn thương, bị nghiêng chiều về sự dữ, người ta có thể mắc những sai lầm nghiêm trọng trong các lãnh vực giáo dục, chính trị, hoạt động xã hội và luân ly" (CCC #407)

Original Sin – Tội Nguyên Tổ

- Evil is a fact - Augustine "I sought where evil comes from and there was no solution."
- John Paul II – comparison of communion of saints – web of goodness and communion of Sin as web of evil.

- Sự dữ là một thực tại - Augustine "Tôi đã tìm xem sự dữ từ đâu đến và không có giải pháp nào."
- Gioan Phaolô II – so sánh các thánh cùng thông công – mạng lưới của sự tốt lành và sự hiệp thông của tội lỗi như mạng lưới của sự dữ.

Actual Sin – Tội Thật

First Definition: Anything said, done, or desired contrary to the eternal law (CCC 1849)

- Interior
  - Thoughts
  - Desires
- Exterior
  - Words
  - Deeds
  - Omission

Định nghĩa thứ nhất: bất cứ điều gì nói, làm hay muốn trái với luật vĩnh cửu (CCC 1849)

- Bên trong
  - Tư tưởng
  - Ước muốn
- Bên ngoài
  - Lời nói
  - Việc làm
  - Thiếu xót

Actual Sin – Tội Thật

Second Definition: turning away from God and a turning toward the creature (CCC 1849)

- Positive aspect: turning toward some goods
- Negative aspect:
  - Turning toward good is inordinate or disordered
  - Turning away from God, aversion from God
  - As a *means* of participating in some good
  - Puts love for this good ahead of love for God and neighbor

Sin is thus 'love of oneself even to contempt of God.'

Định nghĩa thứ hai: ngoảnh mặt đi khỏi Thiên Chúa và quay về với loài thụ tạo (CCC 1849)

- Bình diện tích cực: quay về những điều ích lợi nào đó
- Bình diện tiêu cực:
  - Quay về điều lợi ích bất thường hay quá đáng
  - Ngoảnh mặt đi với Thiên Chúa, chán ghét Thiên Chúa
  - Như *phương tiện* để tham gia vào ích lợi nào đó.
  - Đặt tình yêu dành cho ích lợi này trên tình yêu Thiên Chúa và tha nhân

Như thế Tội là 'yêu mình đến nỗi coi thường Thiên Chúa.' (CCC 1850)

Actual Sin – Tội Thật

Act is a free, self-determining choice

- We give ourselves a moral identity
- The *being* that we give ourselves by our free choice abides within us as part of our identity, our character
- The reality of sin: this is called the "guilt" or "stain" of sin
- We make ourselves to be the persons we are by the choices that we freely make
- Conversion: die to old self, rise to new self

Hành động là một chọn lựa tự do, tự quyết

- Chúng ta tự cho mình một căn tính luân lý
- *Hữu thể* mà chúng ta tự cho mình bằng sự chọn lựa tự do ở trong chúng ta như một phần của căn tính, cá tính của chúng ta
- Thực tại của tội: được gọi là "lỗi" hay "vết nhơ" của tội
- Chúng ta biến mình thành những con người mình là bằng những chọn lựa chúng ta tự do làm
- Hoán cải: chết cho chính mình, sống lại thành người mới

Actual Sin – Tội Thật

1. An abuse of the freedom that God gives to reject God and oppose to Him;
2. An offense against reason, truth, and right conscience;
3. Failure in genuine love for God and neighbor caused by a perverse attachment to certain goods;
4. "Love of oneself even to contempt of God."

1. Lạm dụng sự tự do mà Thiên Chúa ban để chối bỏ Thiên Chúa và chống lại Ngài;
2. Một sự xúc phạm đến lý trí, chân lý, lương tâm ngay chính;
3. Thiếu tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và tha nhân do việc ngoan cố dính lứu với những lợi ích nào đó;
4. "Yêu mình đến nỗi coi thường Thiên Chúa".

Mortal Sin – Tội Trọng (CCC 1854-1861)

- Grave violation of God's law
- Turns man away from God
- Destroys charity in heart of man
- Disorients - conversion for the worse
- Deadly -- kills our relationship
- Destroys self

- Vi phạm Luật TC cách trầm trọng
- Làm con người xa lìa Thiên Chúa
- Hủy diệt đức ái trong tâm hồn con người
- Làm lạc hướng – chuyển đổi sang tối tệ nhất
- Chết người -- giết chết mối quan hệ của chúng ta
- Tự hủy diệt

Mortal Sin – Tội Trọng (CCC 1854-1861)

- Three conditions of a mortal sin
  1. Grave matter – Ten Commandments
  2. Full knowledge – conscious deliberation
  3. Complete consent - freedom
- Effects of Mortal Sin
  1. Loss of sanctifying grace
  2. Irreparable by human power
  3. Destroys charity - the principle of spiritual life

- Ba điều kiện cho tội trọng
  1. Vấn đề nghiêm trọng – Mười Điều Răn
  2. Hiểu biết đầy đủ– cân nhắc có ý thức
  3. Ưng thuận hoàn toàn – tự do
- Hậu quả của Tội Trọng
  1. Mất ơn thánh hóa
  2. Sức người không sửa chữa nổi
  3. Hủy hoại đức ái – yếu tố cơ bản của đời sống siêu nhiên

Venial Sin – Tội Nhẹ (CCC 1863)

- Lesser act - not grave matter
- Compromise of values rather than rejection
- Grave matter without freedom or full consent
- Weakens but does not destroy charity thus disposes us to deadly mortal sin
- Does not cause loss of sanctifying grace
- Can be reversed by human effort

- Hành động nhẹ hơn – vấn đề không nghiêm trọng
- Làm tổn thương thay vì loại bỏ các giá trị
- Vấn đề nặng mà không có tự do hay sự ưng thuận hoàn toàn
- Làm yếu đi nhưng không hủy diệt đức ái như thế khiến chúng ta dễ dàng phạm tội trọng
- Không làm cớ cho mất ân thánh sủng
- Có thể sửa lại bằng cố gắng của con người

Evaluating the gravity of sin – Lượng giá tội

- Act itself – content
  - What is the act?
  - Who is wronged?
  - Failure to act is itself an action
- Knowledge
- Freedom
  - Character
  - Degree

- Nội dung của chính hành động
  - Làm gì?
  - Phạm đến ai?
  - Không hành động cũng chính là một hành động
- Sự hiểu biết
- Tự do
  - Căn tính
  - Mức độ

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

- What is the act?
  - Object, End or Intention (Motive), Circumstances: Bad?
  - Is the object grave or light matter?
  - Did the Motive or Circumstances make the matter grave?
  - *Grave matter* is specified by the Ten Commandments (CCC 1858)
  - Obedience to the Commandments also implies obligations in matter which is, in itself, light. Thus abusive language is forbidden by the fifth commandment, but would be a grave offense only as a result of circumstances or the offender's intention. (CCC 2073)
- Làm gì?
  - Đối tượng, Mục đích hay ý định (Động lực), Hoàn cảnh: Có xấu không?
  - Đối tượng là vấn đề nặng hay nhẹ?
  - Động lực hay hoàn cảnh có làm cho vấn đề thành nặng không?
  - *Vấn đề nặng* được xác định trong Mười Điều Răn (CCC 1858)
  - Vâng theo các Điều răn cũng ám chỉ bổn phận trong chính vấn đề nhẹ. Như thế lời nói nhục mạ bị giới răn thứ năm cấm, nhưng chỉ là tội trọng như kết quả của các hoàn cảnh hay ý định của người vi phạm. (CCC 2073)

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

- What is the act?
  - Kinds of acts which are potentially grave, but admit of smallness in the harm done (parvity of matter), *can* be light
    - Stealing small amount vs. large amount
    - Stealing from a millionaire vs. from a beggar
  - Some kinds of acts do not admit of parvity of matter
- Sin is an action or a failure to act
  - What is the attitude behind the sin?
  - The underlying cause may be a sin, too
- Làm gì?
  - Các loại hành động có khả năng là nặng, nhưng vì gây ra thiệt hại nhỏ nhất, *có thể* là tội nhẹ
    - Ăn cắp một số tiền nhỏ hay số tiền lớn
    - Ăn cắp của một triệu phú hay của một người hành khất
  - Một số hành động không được kể đến tính nhỏ bé của vấn đề
- Tội là một hành động hay không hành động
  - Thái độ đằng sau tội là gì?
  - Nguyên nhân đằng sau tội cũng có thể là tội

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

Religious people risk confusing human morality with what they have been told is sin. They may forget that many unbelievers who have no concept of sin are just as moral as are believers. Likewise, sacramental forgiveness can be seen as erasing not only sin but the harm done to oneself and to others. But sin is rooted in an attitude, and each sin deepens that attitude. The sexual abuser of children thinks he can deal with each criminal action by going to Confession, forgetting that his lack of a moral attitude towards children is the real problem. The healthy non-religious person knows that he must deal with his failures, not just as immoral actions but as immoral attitudes as well.

Những người mộ đạo có nguy cơ lẫn lộn luân lý con người với điều họ được bảo là tội lỗi. Họ có thể quên rằng nhiều người không có đức tin không có ý niệm về tội cũng có luân lý như các tín hữu. Cũng thế, bí tích tha tội có thể được coi là xóa bỏ không chỉ tội mà còn thiệt hại gây ra cho mình và tha nhân. Nhưng tội mọc rễ trong thái độ, và mỗi tội làm cho thái độ ấy xâu hơn. Kẻ lạm dụng tính dục trẻ em nghĩ rằng họ có thể giải quyết mỗi hành động tội ác bằng cách đi xưng tội, mà quên rằng việc thiếu một thái độ luân lý với trẻ em của họ mới thật là vấn đề. Người không tôn giáo lành mạnh biết rằng phải giải quyết các thất bại của họ, không những chỉ như các hành động vô luân mà còn như các thái độ vô luân.

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

Knowledge

- Knowledge of the sinful character of the act, of its opposition to God's law (CCC 1859)
- One's conscience is that the matter either is grave or might be grave
- One acts in violation of one's conscience
- Feigned ignorance and hardness of heart do not diminish, but rather increase, the voluntary character of a sin. (CCC 1859)
- Unintentional ignorance can diminish or even remove the imputability of a grave offense. But no one is deemed to be ignorant of the principles of the moral law, which are written in the conscience of every man. (CCC 1860)

Sự hiểu biết

- Hiểu biết về tính chất tội lỗi của hành động, về sự chống lại luật Thiên Chúa của nó (CCC 1859)
- Một người ý thức rằng vấn đề hoặc nghiêm trọng hoặc có thể nghiêm trọng
- Một người hành động trái với lương tâm
- Giả vờ không biết và cứng long không làm giảm bớt, trái lại gia tang tính chất tự nguyện của một tội. (CCC 1859)
- Không biết không có chủ ý có thể giảm thiểu hay loại bỏ việc chịu tráchcnhiệm về tội nặng. Nhưng không ai được coi là không biết những nguyên tắc của luật luân lý, là điều được viết trong lương tâm mỗi người (CCC 1860)

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

Freedom

- Character - Not only the world, however, but also *man himself* has been *entrusted to his own care and responsibility*. God left man "in the power of his own counsel" (Sir 15:14), that he might seek his Creator and freely attain perfection. Attaining such perfection means *personally building up that perfection in himself*. Indeed, just as man in exercising his dominion over the world shapes it in accordance with his own intelligence and will, so too in performing morally good acts, man strengthens, develops and consolidates within himself his likeness to God. (VS, #39)

Tự do

- Nhân cách – Tuy nhiên, không phải chỉ thế giới, mà chính con người cũng *đã được trao phó cho chính họ để tự coi sóc và chịu trách nhiệm*. Thiên Chúa đã "để con người tự bàn hỏi chính mình" (Hc 15, 14) ngõ hầu họ tìm kiếm Đấng Tạo Hóa và tự do đạt tới mức trọn hảo. Đạt tới mức trọn hảo như thế có nghĩa là *tự mình xây dựng nơi chính mình sự trọn hảo ấy*. Thật thế, khi làm chủ thế giới con người đã dùng trí khôn và ý chí của mình mà hình thành thế giới như thế nào, thì khi thực hành những hành vi tốt về luân lý, con người cũng đã tăng cường, phát huy và củng cố nơi chính mình sự giốngThiên Chúa của mình như thế . (VS, #39)

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

Freedom

Degree – Full consent is a definite choice

- Insufficient in cases of extreme fatigue, semi-wakefulness, partial sedation, great pressure, distraction, and so on.
- Or, can be sign of being insufficient if the individual in no way planned the act in that situation, the act was out of character, or it was firmly rejected as soon as it was considered with full attention.
- The promptings of feelings and passions can also diminish the voluntary and free character of the offense, as can external pressures or pathological disorders. Sin committed through malice, by deliberate choice of evil, is the gravest. (CCC 1860)

Tự do

Mức độ – Hoàn toàn ưng thuận một chọn lựa rõ ràng

- Không đầy đủ trong trường hợp quá mệt, nửa tỉnh nửa mê, bán hôn mê, áp lực lớn, lo ra và vân vân.
- Hoặc có thể là dấu chỉ của thiếu đầy đủ nếu cá nhân không có cách chuẩn bị hành động trong hoàn cảnh đó, hành vi ngoại lệ, hay nó bị chối từ cách chắc chắn ngay khi được xét đến với sự chú ý hoàn toàn.
- Các thúc đẩy của cảm giác hay đam mê cũng có thể giảm tính chất tự nguyện và tự do của lỗi phạm, cũng như các áp lực từ bên ngoài hoặc xáo trộn vì bệnh lý. Tội phạm vì ác tâm, bằng việc cố ý chọn sự dữ, là những tội nặng nhất. (CCC 1860)

Discerning Sinfulness – Phân định tình trạng tội lỗi

Signs of possible sinfulness

- Deviation – state of non-conformity to objective norm
- Suffering
- Objective content of act
- Feelings of guilt
  - Not of itself an adequate guide
  - People can feel guilty for things that do not violate an objective good
  - Moral behavior is more than following the law
  - Failure to feel guilt when appropriate

Dấu chỉ có thể là tội

- Sai lệch – tình trạng không sống theo tiêu chuẩn khách quan
- Đau khổ
- Hài lòng chủ quan về hành động
- Cảm thấy có lỗi
  - Tự nó chưa phải là hướng dẫn đầy đủ.
  - Người ta có thể cảm thấy có lỗi vì những điều không pbạm đến điều tốt khách quan
  - Cư xử theo luân lý còn hơn làm theo luật lệ
  - Không cảm thấy có tội khi thích hợp

Sins and Vices – Tội Lỗi và Tật Xấu

- Personal - my act, my choice, only I can commit this act
- Sin as vice – a stable disposition to "evil" – pride, avarice, envy, wrath, lust, gluttony, and sloth
  - Attitudes
  - Source of actual sin (venial and mortal)
  - Conquered by grace, prayer and repeated action.

- Cá nhân – hành vi của tôi, chọn lựa của tôi, chỉ có tôi có thể phạm
- Tội như tật xấu – một khuynh hướng bền vững thiên về "sự dữ" – kiêu ngạo, hà tiện, ghen ty, nóng giận, háo sắc, mê ăn uống, và lười biếng
  - Các thái độ
  - Nguồn mạch của các tội thật (nhẹ và nặng)
  - Chinh phục bằng ân sủng, cầu nguyện và các việc lập đi lập lại.

The proliferation of sin – Sự nảy nở của tội lỗi

Sin is a personal act. But we have a responsibility for the sins committed by others when we cooperate in them

- Direct and volunteered participation
- Ordering, advising, praising, approving
- Not hindering
- Protecting evil-doers

Thus sin makes men accomplices of one another and causes concupiscence, violence, and injustice to reign among them.

Tội là một hành vi cá nhân. Nhưng chúng ta chịu trách nhiệm về các tội người khác phạm khi chúng ta cộng tác vào chúng

- Trực tiếp và cố tình tham gia
- Ra lệnh, cố vấn, khen ngợi, cho phép
- Không ngăn cản
- Che bao kẻ làm sự dữ

Như thế tội lỗi làm cho con người trở thành đồng lõa với nhau, và làm cớ cho dục vọng, bạo lực, bất công thống trị giữa họ.

Social Sin (CCC 1869) – Tội Xã Hội

- Human beings are social creatures, so every sin has a social dimension
- Specifically, as the result of our cooperation in sins of many
- The accumulation of a series of personal sins can set in motion socio-politico-cultural structures that subsequently operate without any individuals personal direction
- These structures can be gravely sinful
- It can come to pass that these structures persist well after the death of all the people who brought them into existence
- This is called “social sin” or “structures of sin” – where the community as a whole bears a responsibility to strive to change what they themselves may not have actively created.

- Con người là thụ tạo xã hội, nên mọi tội đều có chiều kích xã hội
- Đặc biệt là như kết quả của sự cộng tác của chúng ta vào tội của nhiều người
- Việc tích lũy hàng loạt những tội cá nhân có thể bắt đầu những cấu trúc xã hội-văn hóa-chính trị mà sau đó hoạt động không cần sự hướng dẫn của bất cứ cá nhân nào
- Các cấu trúc này có thể rất tội lỗi
- Có thể các cấu trúc này vẫn tồn tại một thời gian lâu dài sau cái chết của những người tạo ra chúng.
- Điều này được gọi là “tội xã hội” hay “các cấu trúc của tội lỗi”- ở đó toàn thể cộng đồng chu trách nhiệm nỗ lực thay đổi điu mà chính họ đã không tích cực tạo ra.

3 Types of Sins – Ba Loại Tội

- Sin as fact
  - Original Sin
- Sin as act
  - Personal sin
- Sin as state
  - Social sin

- Tội lỗi là một thực tại
  - Tội Tổ Tông
- Tội lỗi là một hành động
  - Tội cá nhân
- Tội lỗi là một tình trạng
  - Tội xã hội

"Punishments" due to sin – Hình phạt do tội gây ra

"Must not be conceived as a kind of vengeance inflicted by God from without, but as following from the very nature of sin" (CCC 1472).

- Eternal
  - Destruction of communion with God
  - Healed through sacramental reconciliation
- Temporal
  - Unhealthy attachment to things
  - Even after forgiveness is granted, these remain and are in need of purification.

"Không được coi như một loại trả thù gây ra bởi Thiên Chúa từ bên ngoài, nhưng như kèm theo bởi chính bản chất của tội" (CCC 1472).

- Đời đời
  - Phá hủy sự hiệp thông với Thiên Chúa
  - Được chữa lành nhờ bí tích Hòa Giải
- Tạm thời
  - Quyến luyến lệch lạc với sự vật
  - Ngay cả sau khi được tha tội, các hình phạt này vẫn tồn tại và cần phải được thanh luyện.

Repentance and Conversion – Hoán cải và Trở lại

Conversion is – learning, growing in love of God

- Letting God work in us over time
- Constant struggle to be "dead to sin and alive to God in Christ Jesus." (Rom 6:11)
- Made possible by grace, requiring cooperation
- Metanoia – change of heart

Hoán cải là – học, lớn lên trong tình yêu của Thiên Chúa

- Dần dần để Thiên Chúa làm việc trong chúng ta
- Luôn luôn cố gắng "chết cho tội lỗi và sống cho Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô." (Rom 6:11)
- Có thể làm được nhờ ân sủng, cần sự hợp tác
- Metanoia – thay đổi tâm hồn

Repentance and Conversion – Hoán cải và Trở lại

Jesus and conversion

- Jesus' moral demands - call to live a moral life
- Jesus' demand for repentance - call to turn from sin to God
- Jesus' demand for faith - call to believe God's mercy
- Jesus' demand for discipleship - call to live his love

Chúa Giêsu và hoán cải

- Đòi hỏi luân lý của Chúa Giêsu – mời gọi sống một đời sống luân lý
- Đòi hỏi hoán cải của Chúa Giêsu – mời gọi bỏ tội lỗi và quay về với TC
- Đòi hỏi đức tin của Chúa Giêsu – - mời gọi tin vào lòng thương xót của Thiên Chúa
- Đòi hỏi làm môn đệ của Chúa Giêsu – mời gọi sống tình yêu của Người

The causes of sin – Căn nguyên của tội

Internal causes:

1) Ignorance
   - Invincible ignorance may cause material sin,
   - Vincible ignorance may cause formal sin
2) Passion
   - Involuntary may cause material sin
   - Voluntary may cause formal sin
3) Malice

Nguyên nhân bên ngoài:

1) Thiếu hiểu biết
   - Thiếu hiểu biết không thể thắng vượt được có thể gây ra tội vô ý
   - Thiếu hiểu biết có thể thắng veto được gây ra tội cố tình.
2) Đam mê
   - Vô tình có thể gây ra tội vô ý
   - Cố ý có thể gây ra tội cố tình
3) Ác ý

The causes of sin – Các căn nguyên của tội

External causes

1) The devil and other evil spirits
   cannot be the direct causes of sin, but can only induce man to sin
2) Other people
   - By carnal generation transmits original sin to one's offspring
   - By inducing others to sin by suggestion, persuasion, command, seduction, example, etc. (i.e., by scandal)
   - By cooperating in the sins of others

Các nguyên nhân bên ngoài

1) Quỷ và những thần dữ khác
   Không thể là nguyên nhân trực tiếp của tội nhưng chỉ có thể xúi dục con người
2) Những người khác
   - Qua việc sinh sản truyền tội Nguyên Tổ cho con cái mình
   - Làm cớ cho người khác phạm tội qua việc khuyên bảo, xúi dục, gương xấu, vv. (i.e., gương mù)
   - Qua việc hợp tác với tội lỗi của những người khác

Resistance to Temptation – Chống lại Cám Dỗ

Resistance to temptation is made by an act of the will withholding consent to the suggested sin and by commanding one's powers not to give in to the temptation

- *Explicit*: resolving not to give in to the temptation
- *Implicit*: manifesting contempt or displeasure to the temptation
- *Direct*: by attacking head on the temptation
- *Indirect*: by fleeing from the temptation to some other occupation.

Chống lại cám dỗ được thực hiện bằng hành động của ý chí không chịu đồng ý với đề nghị tội lỗi và ra lệnh cho khả năng của mình không được chịu thua cám dỗ

- *Dứt khoát*: nhất quyết không chiều theo chước cám dỗ
- *Tiềm ẩn*: tỏ ra chống cự hay bất bình với cám dỗ
- *Trực tiếp*: đương đầu với cám dỗ bằng cách tấn công nó
- *Gián tiếp*: chạy trốn cám dỗ bằng cách bận rộn với việc khác.

The Danger of Sin and Occasion of Sin

Exposure to the danger of sin can be sinful itself. The likelihood that sin will be committed in certain circumstances.

- Grave: Exposure is rash + danger is grave & proximate: when moral certainty is had that sin will be committed
  - Absolute: generally shared by all
  - Relative: for a particular individual
- Venial: Exposure is rash + danger is grave/remote or venial/proximate: not morally certainty, but some likelihood.

Việc đặt mình vào nguy cơ phạm tội có thể là tội. Trong nhiều hoàn cảnh nào đó người ta có thể phạm tội.

- Trọng: Đặt mình vào cách cẩu thả + nguy hiểm trầm trọng & kề bên: khi chắc chắn theo luân lý là sẽ phạm tội
  - Tuyệt đối: cách chung mọi người đồng ý
  - Tương đối: cho một cá nhân riêng
- Nhẹ: Đặt mình vào cách cẩu thả + nguy hiểm trầm trọng/xa hay nhẹ/kề bên : không chắc chắn về luân lý, nhưng có thể.

Closing Prayer

O loving and gracious God,/ Father of all,/ you bless your people in every time and season/ and provide for their needs through your providential care./ Your Church is continually in need of priests, deacons, sisters and brothers/ to offer themselves in the service of the Gospel by lives of dedicated love. Open the hearts of your sons and daughters/ to listen to your call in their lives./ Give them the gift of understanding/ to discern your invitation/ to serve you and your Church./ Give them the gift of courage to follow your call./

May they have the spirit of young Samuel/ who found fulfillment in his life/ when he said to you,/ "Speak Lord, for your servant is listening.“/ We ask this through Jesus Christ,/ our Lord and Redeemer./ Amen./